TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-3-2025
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Đông

2. Bà Quách Thị Hải Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025, về việc: "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Sơn Thị B, sinh năm: 1997; địa chỉ: ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn: Bà Lâm Thị Hằng N, là Luật sư thuộc Văn phòng L1, Đoàn luật sư tỉnh S (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Dương Q, sinh năm: 1991; địa chỉ: ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 12 năm 2024, nguyên đơn chị Sơn Thị B trình bày:*

Vào năm 2017, chị B và anh Q tự nguyện tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã theo quy định. Sau khi cưới, chị B và anh Q sống chung hạnh phúc được một thời gian thì giữa chị B và anh Q phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống chung không

còn hạnh phúc. Trong thời gian hôn nhân, chị B và anh Q không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Chị Sơn Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Sơn Thị B được ly hôn với anh Dương Q.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Dương Q:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Q vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không nộp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị B, không đến Tòa án làm việc và tham gia tố tụng tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Q, không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung; bị đơn anh Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên các đương sự không có ý kiến trình bày.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Chị B và anh Q tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân được công nhận là hợp pháp, chị B có quyền yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật. Về quan hệ hôn nhân cần phải được xây dựng trên sự tự nguyện của cả hai bên, nhưng giữa chị B và anh Q đã không còn sống chung từ cuối năm 2017 đến nay, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các bên hàn gắn tình cảm nhưng không thành và chị B giữ nguyên yêu cầu ly hôn nên có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị B và anh Q đã không còn hạnh phúc, thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B. Về con chung, tài sản chung và nợ chung chị B trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành nghiêm theo giấy triệu tập lần thứ hai.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên xử chị B được ly hôn với anh Q; về con chung, tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí nguyên đơn chị B phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị B khởi kiện anh Q để yêu cầu ly hôn, nhưng không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn". Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị B và người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn anh Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh Q tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp xã đúng theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Theo khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn"*. Như vậy, chị B có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Q theo quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị B, Hội đồng xét xử thấy rằng: trong quá trình giải quyết vụ án, chị B trình bày sau khi kết hôn, chị B và anh Q sống chung hạnh phúc được một thời gian thì giữa chị B và anh Q phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nên chị B và anh Q không còn sống chung. Kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập chị B và anh Q để hòa giải, động viên hàn gắn tình cảm, đoàn tụ với nhau, nhưng anh Q không đến tham dự phiên hòa giải, chị B giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị B và anh Q đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"*. Do vậy, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị B trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời bị đơn anh Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Q không có đơn yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm, chị B là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sơn Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Sơn Thị B được ly hôn với anh Dương Q.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Sơn Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008079 ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Chị Sơn Thị B đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Minh Luân